

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT ĐỀ THI MINH HỌA THPT QG 2017

MÔN: TIẾNG ANH

Thực hiện: Ban chuyên môn Tuyensinh247.com

1B	2A	3B	4C	5B	6C	7D	8C	9A	10C
11D	12D	13A	14A	15A	16D	17D	18B	19A	20C
21B	22D	23C	24A	25B	26B	27D	28C	29C	30A
31A	32A	33C	34C	35D	36C	37C	38D	39B	40D
41B	42B	43A	44. D	45A	46C	47C	48B	49C	50D

1. B

Câu B phát âm là /t/ còn lại phát âm là /id/

2. A

Câu A phát âm là /s/ còn lại phát âm là /k/

3. B

Câu B trọng âm 2 còn lại trọng âm 1.

4. C

Câu C trọng âm 1 còn lại trọng âm 2.

5. B

Are -> is vì measles (bệnh sởi) chủ ngữ số ít.

6. C

That -> which vì thay thế cho cả mệnh đề phía trước và trước đó có dấu phẩy.

7. D

Having -> have vì động từ nối với nhau bằng and nên phải song song về thì.

8. C

Cấu trúc: S+ hiện tại hoàn thành since S+ quá khứ đơn.

9. A

A number of + danh từ số nhiều -> động từ số nhiều (are)

10. C

Cấu trúc so sánh kép: the so sánh hơn S+V, the so sánh hơn S+ V

11. D

Tường thuật câu hỏi(wanted to know) nên lùi thì và không đảo ngữ.

12. D

Cấu trúc bị động đặc biệt.

Câu này dịch như sau: Richard, hàng xóm của tôi, được bảo rằng đã tham gia chiến tranh thế giới thứ hai.

Việc được đồn ở hiện tại nên dùng is said, việc tham chiến ở quá khứ nên dùng to have Ved/ V3

13. A

Under pressure: chịu áp lực

14. A

Sau giới từ (on) dùng danh từ biology(môn sinh học)

15. A

Endangered species: động vật bị đe dọa.

16. D

Devote...to: cống hiến

17. D

Impolite: mất lịch sự

Câu này dịch như sau: Huýt sáo hoặc vỗ tay để thu hút sự chú ý của ai đó được xem là mất lịch sự và thậm chí và thô lỗ trong một số trường hợp.

18. B

Hold up: cản trở/ trì trệ

Tôi bị cản trở giao thông hơn 1 giờ đồng hồ.

19. A

Keep up with: theo kịp/ đuổi kịp

Cô ấy mệt mỏi và không thể đuổi kịp nhóm của mình.

20. C

Hai người bạn Diana và Anne đang nói về áo mới của Anne.

Diana: Cái áo đó thật hợp với bạn Anne à.

Anne: Cảm ơn.

21. B

Mary đang nói chuyện với nhân viên mang hành lý tại sảnh của khách sạn.

Người khuân vác: Tôi giúp cô mang hành lý nhé.

Mary: Anh thật tốt bụng.

22. D

Adhere to = follow: tuân thủ/ làm theo

23. C

The underprivileged = poor habitants: những người nghèo, không may mắn, xấu số

24. A

Few and far between: khan hiếm \neq easy to find: dễ tìm

25. B

In time: đúng giờ \neq later than expected: trễ hơn dự định

26. B

Tôi chắc rằng Luisa đã rất thất vọng khi cô ấy thi trượt.

Tình huống dự đoán trong quá khứ nên dùng must have Ved/ V3

27. D

Bạn nên gặp bác sĩ nếu vẫn chưa hết đau họng -> Cô ấy đề nghị tôi

28. C

Không có lời khuyên của thầy cô ấy sẽ không bao giờ viết được bài văn hay như vậy -
> Cô ấy đã viết bài văn hay nhờ vào lời khuyên của thầy.

29. C

Cô ấy cố gắng rất nhiều để vượt qua kỳ thi bằng lái xe, nhưng cô ấy không thể.

30. A

Chúng tôi không muốn tiêu nhiều tiền vì vậy chúng tôi ở khách sạn rẻ tiền. -> Thay vì tiêu nhiều tiền chúng tôi ở khách sạn rẻ tiền.

31. A

There is a lot that you can do to improve your memory.-> có nhiều cách làm để cải thiện trí nhớ.

32. A

The reason why

33. C

Take an active interest in what you want to remember, and focus on it (33)_____. -> Chủ động yêu thích cái mà bạn muốn nhớ và tập trung một cách có ý thức.

34. C

Heart rate: nhịp đập của tim

35. D

found: được tìm thấy

Scientists have discovered that the fats (35)_____ in fish like tuna, sardines and salmon — as well as in olive oil — help to improve the memory. -> Các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng những chất béo được phát hiện trong cá như cá ngừ, cá mòi, cá hồi - tương tự như dầu oliu – giúp cải thiện trí nhớ.

36. C

Các loại nước uống được đề cập ở đoạn văn 1 nhằm mục đích cung cấp cho khách hàng -> năng lượng

These beverages have the specific aim of giving tired consumers more energy.

37. C

It = Red Bull

38. D

Theo bài đọc, điều gì gây khó khăn cho các nhà nghiên cứu để biết liệu nước uống tăng lực có cung cấp năng lượng không -> sự pha trộn nhiều chất

Dr. Bauer adds the mix of ingredients could also have a negative impact on the body. —We just don't know at this point,

39. B

Plausible = reasonable: đúng, hợp lý

40. D

Cái mà Tiến sĩ Bauer có lẽ đã nghiên cứu -> Vitamins và các chất trong cơ thể.

41. B

Câu nào sau đây không đúng theo như bài đọc -> Colas có mặt trên thị trường lâu hơn nước tăng lực.

42. B

Tiêu đề cho bài đọc -> Vẫn chưa chắc chắn rằng nước tăng lực tốt cho sức khỏe.

43. A

Bài đọc thể hiện rằng thời tiết khắc nghiệt thì -> ngày càng phổ biến

44. D

Lethal = causing deaths: gây chết người

45. A

Cái gì gây ra hàng nghìn các chết năm 2003 -> thời kỳ hạn hán thời tiết nóng kéo dài

46. C

Theo bài đọc thời tiết khắc nghiệt là vấn đề bởi vì -> nó có tính hủy diệt cao

47. C

That = greenhouse gases : khí gây hiệu ứng nhà kính

48. B

Thời tiết khắc nghiệt có thể gây ra bởi -> hơi nước trong không khí

49. C

Vệ tinh nhân tạo được sử dụng để -> đo sự thay đổi của hơi nước trong không khí.

50. D

Câu nào mà bài đọc không ủng hộ? -> Thời tiết khắc nghiệt hiếm khi là hậu quả của hoạt động con người.